

城市學校財團法人臺北城市科技大學大學部學則

Quy định đào tạo bậc đại học – Trường đại học khoa học & công
nghệ Thành phố Hải Phòng

第一章：入學

Chương 1 : Nhập học

- 1 公立或已立案之私立高級中等學校或同等學校畢業者。
Tốt nghiệp các trường trung học phổ thông công lập, tư thục được công nhận hoặc trường có trình độ tương đương.
- 2 本校另依規定，接受甄試及甄審錄取學生，並接受教育部分發之特殊身份學生及酌收海外僑生、外國籍學生及大陸地區學生。外國學生來臺就學辦法另訂之，並報教育部核定。
Trường cũng tiếp nhận sinh viên thông qua xét tuyển và phỏng vấn, cũng như tiếp nhận các đối tượng đặc biệt do Bộ Giáo dục phân bổ. Ngoài ra còn tuyển sinh sinh viên người Hoa ở hải ngoại, sinh viên quốc tế và sinh viên từ khu vực Trung Quốc đại lục. Việc tiếp nhận sinh viên quốc tế sẽ tuân theo quy định riêng và phải được Bộ Giáo dục phê duyệt.
- 3 凡經錄取之新生及轉學生，應於規定日期來校辦理入學手續，逾期不辦理者，取消其入學資格。
Tất cả sinh viên mới trúng tuyển hoặc sinh viên chuyển trường phải đến trường làm thủ tục nhập học trong thời gian quy định. Nếu không thực hiện đúng hạn sẽ bị hủy tư cách nhập học.
- 4 新生入學報到時須繳驗有效之學歷(力)證明文件方得入學，其有正當理由，預先申請緩期補繳而經核准者，得先行入學，但應於規定期限補繳，否則取消其入學資格，入學時並需親自填寫學籍記載表。
Khi nhập học, sinh viên mới phải nộp bản sao hợp lệ các giấy tờ chứng minh học lực. Nếu có lý do chính đáng và đã xin phép được gia hạn nộp giấy tờ, có thể nhập học trước nhưng phải bổ sung giấy tờ trong thời hạn quy định, nếu không sẽ bị hủy tư cách nhập học. Ngoài ra, sinh viên phải tự điền phiếu đăng ký học vụ tại thời điểm nhập học.

5

新生報到時，須繳交經領事館驗證之翻譯公證影本，並需於規定期限內補交正本予學校

Khi nhập học, sinh viên mới phải nộp bản sao dịch thuật công chứng có xác nhận của Lãnh sự quán, và trong thời hạn quy định phải nộp bổ sung bản gốc cho nhà trường

6

報名資格切結書-外國學生

Giấy cam kết tư cách nhập học – Sinh viên nước ngoài

上述所陳之任一事項同意授權貴校查證，如有不實或違反中華民國教育部外國學生來臺就學辦法之事項等情事屬實者，本人願依貴校相關規定處理，絕無異議。並同意貴校得於法令規定許可範圍內蒐集、處理、國際傳遞及利用本人個人資料

Tôi đồng ý ủy quyền cho quý trường kiểm tra tất cả các thông tin đã trình bày ở trên. Nếu có bất kỳ thông tin nào không chính xác hoặc vi phạm các quy định về việc sinh viên nước ngoài du học tại Đài Loan của Bộ Giáo dục Trung Hoa Dân Quốc, tôi cam kết sẽ chấp hành theo các quy định liên quan của quý trường mà không có bất kỳ phản đối nào. Đồng thời, tôi đồng ý để quý trường thu thập, xử lý, truyền tải quốc tế và sử dụng dữ liệu cá nhân của tôi trong phạm vi cho phép của pháp luật.

第二章：繳費、註冊、選課

Chương 2 : Đóng học phí, đăng ký, chọn môn học

1 學生於每學期註冊時應依照規定繳納各項費用。凡於註冊入學後，因故休學或退學其退費標準依照教育部之規定辦理。

Sinh viên phải đóng đầy đủ các khoản phí theo quy định khi đăng ký nhập học mỗi học kỳ. Nếu nghỉ học hoặc thôi học sau khi đã đăng ký nhập học, việc hoàn phí sẽ được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục.

2 學生應依規定日期辦妥註冊。如因病或特殊事故需檢具證明文件，於事前請假，核准者得延期註冊至多以兩星期為限（依學生請假規則處理）。其未經准假或超過准假日期而未辦理註冊者，新生取消入學資格，舊生如未申請休學即令退學。

Sinh viên phải đăng ký nhập học đúng hạn. Nếu do bệnh hoặc lý do đặc biệt, có thể nộp đơn xin phép trước và được phê duyệt thì có thể hoãn tối đa 2 tuần (xử lý theo quy định nghỉ phép của sinh viên). Nếu không xin phép trước hoặc quá thời hạn được phép mà vẫn chưa đăng ký nhập học: Đối với sinh viên mới: sẽ bị hủy tư cách nhập học, Đối với sinh viên đang học: nếu không xin nghỉ học đúng thủ tục sẽ bị buộc thôi học.

3 學生選課須依照各系、學位學程訂定之課程表及本校學生選課辦法辦理，並經系、學位學程主任核准，送教務處課務組登記。學生選課辦法與校際選課實施要點另訂之。

Sinh viên phải chọn môn học theo chương trình giảng dạy được quy định bởi các khoa hoặc chương trình học vị và tuân thủ theo “Quy định chọn môn học dành cho sinh viên” của trường. Sau khi được Trưởng khoa hoặc Chủ nhiệm chương trình học vị phê duyệt, danh sách môn học phải được nộp cho Phòng Đào tạo để đăng ký. Quy định về chọn môn học và học môn ở các trường đại học khác sẽ được ban hành riêng.

4 學生加、退選科目，應於每學期規定期限內行之，經系、學位學程主任核准後送教務處課務組登記，逾期不予受理。學生未按規定辦理加、退選手續，學分概不承認，其自行退選科目成績以零分計。學生不得因加、退選科目而使其應修學分超過或少於每學期規定學分總數。

Sinh viên phải hoàn tất thủ tục thêm hoặc rút môn học trong thời gian quy định mỗi học kỳ. Sau khi được Trưởng khoa hoặc chủ nhiệm chương trình học vị phê duyệt, phải nộp cho Phòng Đào tạo để đăng ký. Quá thời hạn sẽ không được xử lý. Nếu sinh viên không làm đúng thủ tục thêm/rút môn học theo quy định, thì học phần đó sẽ không được công nhận. Nếu tự ý rút môn, môn học đó sẽ được tính điểm 0. Việc thêm/rút môn không được làm cho tổng số tín chỉ học trong học kỳ vượt quá hoặc thấp hơn giới hạn quy định.

選課時間
Thời gian chọn môn

自新學期開始之日起兩週內
Trong vòng hai tuần kể từ khi bắt đầu
học kỳ mới.



一、若科目不及格，是否可以重修或重考？

→ 可以。學生如有科目不及格，須重新修習該課程並再次參加考試。

二、重修是否需要繳費？

→ 不需要：若於大學四年修業年限內重修，不須另繳學分費，因已包含於學費中。

→ 需要：若超過大學四年修業年限後重修，則須繳交學分費及相關雜費。

1. Nếu rớt môn thì có được học lại hay thi lại không?

→ Có. Sinh viên rớt môn phải học lại từ đầu và thi lại.

2. Học lại có phải đóng tiền không?

→ Không: Nếu học lại trong thời gian 4 năm đại học thì không cần đóng tiền học phần, vì đã bao gồm trong học phí.

→ Có: Nếu học lại sau khi đã vượt quá thời gian 4 năm đại học thì phải đóng tiền học phần và các khoản phí liên quan.

第三章 修業期限、學分、成績

Chương 3: Thời gian học, tín chỉ, thành tích

- 1 本校採學年學分制。四年制各系、學位學程修業期限為四年，至少須修滿一二八學分

Trường áp dụng hệ thống tín chỉ theo niên chế. Hệ đại học chính quy 4 năm: thời gian học là 4 năm, yêu cầu hoàn thành ít nhất 128 tín chỉ.
- 2 各科目學分之計算，原則以每學期授課滿十八小時為一學分，其實驗或實習以授課滿十八小時至五十四小時為一學分。

Việc tính tín chỉ của mỗi môn học được quy định như sau: Mỗi tín chỉ lý thuyết tương ứng với 18 giờ giảng dạy trong một học kỳ, Đối với môn thực hành hoặc thí nghiệm, mỗi tín chỉ tương ứng với thời lượng từ 18 đến 54 giờ trong một học kỳ.
- 3 學生成績分為學業（包括實習、實驗）、操行兩種，各種成績採百分記分法核計為原則，百分記分法以一百分為滿分，以六十分為及格。

Thang điểm chính được tính theo thang 100 điểm, trong đó 60 điểm là đạt.

第四章 請假、休學、復學、退學

Chương 4 Nghỉ học, Bảo lưu học tập, Trở lại học, Thôi học

- 1 學生因故未能上課者須依規定辦理請假，請准假者為缺課，未經請假而未到課者為曠課。期中、期末考試因故未能到考者，須事先向教務處請假。請假規則另訂之。

Sinh viên vì lý do cá nhân không thể đến lớp phải xin phép nghỉ học đúng quy định. Nếu được duyệt phép thì tính là vắng có lý do, nếu không xin phép mà nghỉ học thì tính là vắng không phép, Trường hợp vắng mặt trong kỳ thi giữa kỳ hoặc cuối kỳ, phải xin phép trước với Phòng Giáo Vụ, Quy định xin nghỉ học sẽ được ban hành riêng.

- 2 學生若因病請假，須檢附醫師證明，經導師同意後，方可至系統辦理請假手續。

Sinh viên nếu xin nghỉ học vì lý do ốm đau phải có giấy xác nhận của bác sĩ, được giáo viên chủ nhiệm chấp thuận, sau đó mới được thực hiện thủ tục xin nghỉ trên hệ thống.

- 3 學生因重病（須經公立醫院證明）或重大事故得申請休學，經核准並完成規定程序後，向註冊組辦理離校手續，並得請領休學證明書。

Sinh viên có thể xin nghỉ học nếu bị bệnh nặng (có giấy xác nhận của bệnh viện công) hoặc xảy ra sự cố nghiêm trọng, sau khi được phê duyệt và hoàn tất thủ tục rút học, có thể xin cấp giấy chứng nhận nghỉ học

學生有下列情形之一者，應予退學。

一、逾期未註冊或休學逾期未復學者。

二、學生於每學期註冊時，應依照規定繳納各項費用，於註冊截止前，尚未到校註冊，未申請休學者，概以退學論。

三、操行成績不及格者。

四、全學期曠課達四十五小時者。

五、修業期限屆滿，經依規定延長二年，仍未修足所屬系(組)、學位學程規定應修之科目與學分或其他規定之畢業條件者。

六、違反校規情節嚴重，經本校學生獎懲委員會會議決議退學者。

七、學業成績不及格科目之學分數，達連續兩學期學期修習學分總數三分之二者。但僑生、外國學生、海外回國升學之蒙藏生、原住民族籍學生、身心障礙學生、派外人員子女學生及符合教育部規定條件之運動績優學生不在此限。

八、未經本校同意，同時在他校註冊者。

九、學期修習科目在九學分（含）以內者或屬全學期全職校外實習者，得不受第七款限制。

十、無前列各款事由而自請退學者。

Sinh viên thuộc một trong các trường hợp sau sẽ bị buộc thôi học:

1. Quá hạn không đăng ký nhập học hoặc nghỉ học quá thời hạn nhưng không quay lại học.
2. Không đóng đủ học phí đúng thời hạn đăng ký mà không xin nghỉ học.
3. Hạnh kiểm không đạt.
4. Vắng mặt không phép tổng cộng 45 tiết trở lên trong một học kỳ.
5. Hết thời gian đào tạo + đã gia hạn 2 năm, vẫn không đủ tín chỉ hoặc không đáp ứng các điều kiện tốt nghiệp.
6. Vi phạm nội quy nghiêm trọng và bị Hội đồng khen thưởng – kỷ luật quyết nghị buộc thôi học.
7. Trong hai học kỳ liên tiếp, số tín chỉ bị điểm dưới trung bình chiếm $\frac{2}{3}$ tổng số tín chỉ đăng ký. (Trừ các đối tượng đặc biệt như du học sinh, người dân tộc thiểu số, sinh viên khuyết tật...)
8. Đăng ký học đồng thời tại trường khác mà không được trường chấp thuận.
9. Sinh viên đăng ký dưới hoặc bằng 9 tín chỉ hoặc toàn thời gian thực tập bên ngoài sẽ không bị giới hạn bởi mục (7).
10. Tự nguyện xin thôi học.